TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 196/2020/HC-PT
Ngày: 20/7/2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 289/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5027/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện*:* Ông Trần Bá N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh B; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Bá J. Địa chỉ: Thôn V, xã G, huyện Y, tỉnh B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Ông Chu Văn H và ông Quách Thành L - Luật sư Công ty Luật D, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Ông H vắng mặt; ông L có mặt.

***2. Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Y; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã G, huyện Y, tỉnh B; vắng mặt.

- Hộ ông Trần Bá T, do ông Trần Bá T là chủ hộ đại diện. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị A. Trú tại: Thôn V, xã G, huyện Y, tỉnh B. Ông T và bà A có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Bà Trịnh Cẩm B - Công ty Luật BĐ - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bà Phạm Thị S. Địa chỉ: Xóm E, xã P, huyện Y, tỉnh B; vắng mặt.

- Anh Trần Việt K. Địa chỉ: Xóm E, xã P, huyện Y, tỉnh B; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị A; có mặt.

- Anh Trần Bá Đ; có mặt.

- Chị Hà Thị D; vắng mặt.

- Anh Trần Bá U; có mặt.

- Anh Trần Bá R; vắng mặt.

Bà A, anh Đ, chị D, anh U và anh R đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã G, huyện Y, tỉnh B.

Người kháng cáo: Ông Trần Bá N

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo người khởi kiện ông Trần Bá N trình bày:

Năm 1983, bố mẹ ông Trần Bá N có chia cho ông N phần đất ao 115m² tại thôn V, xã G, huyện Y với mục đích để có chỗ ở. Phần đất này có hình thể: Phía Bắc giáp đường ngõ, phía Nam giáp đất ông T, phía Tây giáp đất ông J, phía Đông giáp đất ông T. Sau khi được chia ông N sử dụng phần ao để trồng rau và dựng một gian nhà cấp 4 để sinh sống tạm. Năm 1988, ông N sang xã P, huyện Y ở và bàn giao phần ao cho ông Trần Bá J (là em trai của ông N) sử dụng; do ông J không sử dụng nên ông Trần Bá T (là anh trai của ông N) mượn khoán để thả cá.

Năm 2005, ông T tự ý đổ đất lấp ao mà không có sự đồng ý của ông N; do vậy, ông N đã mời mẹ là bà Nguyễn Thị O, ông J, ông T cùng đại diện chính quyền thôn đến làm việc. Tại buổi làm việc ngày 03/12/2005, ông T đã đồng ý trả lại phần đất ao 115m² cho ông N. Từ ngày ký biên bản đến nay ông T vẫn tiếp tục chiếm dụng đất, không giao đất lại cho ông N. Ngày 11/11/2014, UBND xã G tổ chức buổi làm việc thì ông N mới được biết phần đất ao có diện tích 115m² của mình đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

(GCNQSD) đất gộp vào thửa đất số 525, tờ bản đồ số 11 là phần đất của ông T thành tổng diện tích 305,3m² theo Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001.

Ngày 31/3/2015, ông Trần Bá N có đơn khởi kiện và ngày 10/9/2015 có đơn khởi kiện bổ sung đến Tòa án nhân dân tỉnh B với nội dung: Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y liên quan đến việc cấp GCNQSD 115m^2 diện tích đất ao trong tổng số diện tích 305,3m^2 đất ao đã cấp cho hộ ông Trần Bá T; hủy toàn bộ GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Trần Bá T theo Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y và yêu cầu khôi phục cho gia đình ông N những quyền lợi ích hợp pháp đã bị ảnh hưởng do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Ngày 09/01/2016, ông Trần Bá N có đơn xin rút yêu cầu về việc khôi phục cho gia đình ông những quyền lợi ích hợp pháp đã bị ảnh hưởng do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Ông N cho rằng việc UBND huyện Y cấp GCNQSD đất gộp diện tích 115m² đất ao của ông N vào thửa đất số 525, tờ bản đồ số 11 của ông T thành tổng diện tích 305,3m² bằng Quyết định số 770/QĐ-CT là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất. Diện tích 115m² đất ao do bà Nguyễn Thị O chia cho ông N từ năm 1983; bản thân ông T cũng công nhận phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông N nhưng cho rằng đã mua của ông N, song trên thực tế ông N và ông T không có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Gia đình ông Trần Bá N, bà Phạm Thị S và anh Trần Việt K không nhận số tiền 100 triệu đồng mua bán thửa đất tranh chấp như Giấy chuyển nhượng đất ở ngày 15/8/2013 âm lịch mà gia đình ông Trần Bá T cung cấp.

Người đại diện cho người bị kiện trình bày:

Năm 2001, UBND xã G được đo đạc bản đồ địa chính chính quy, trong đó có hộ gia đình ông Trần Bá T. Ngày 26/6/2001, ông Trần Bá T và bà Nguyễn Thị A kê khai đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất tại thôn Lạc Gián, xã G: Thửa đất số 568 tờ bản đồ số 11 có diện tích 720m^2 đất ở; Thửa đất số 525 tờ bản đồ số 11 có diện tích 305,3m^2 đất ao. Cùng thời điểm đăng ký của hộ ông Trần Bá T tại xã G có 2011 trường hợp khác cũng đăng ký quyền sử dụng đất.

Hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Bá T cùng 2011 hồ sơ của các hộ khác cùng đợt trong xã G được Hội đồng đăng ký đất của xã G xét duyệt, công khai, thẩm tra và trình duyệt thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998: Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất.

Ngày 30/9/2001, trên cơ sở kết quả hồ sơ đã lập, UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 770/QĐ-CT về việc cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình xã G, huyện Y, trong đó có 02 thửa đất trên của hộ gia đình ông Trần Bá T. Tuy nhiên sau khi kiểm tra lại hồ sơ cấp GCNQSD đất đối với hộ ông Trần Bá T trong Quyết định số 770/QĐ-CT không đồng nhất về hình thức văn bản song về bản chất không ảnh hưởng đến nội dung quyết định. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy 1 phần Quyết định số 770/QĐ-CT và hủy GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Trần Bá T có diện tích 305,3m^2 đất ao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Bá T, bà Nguyễn Thị A trình bày:

Năm 1989, gia đình ông có mua phần diện tích đất ao của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân X; hộ ông Nguyễn Quang H và của ông Trần Bá N. Đối với hộ Nguyễn Xuân X và hộ ông Nguyễn Quang H khi mua bán có viết giấy tờ, nhưng đối với ông N khi mua bán hai bên không J giấy tờ là do ông N là em ruột của ông. Phần đất ông mua của ông N là một trong những phần đất được bố mẹ cho, khi đó ông và ông Trần Bá J cũng được một phần, khi cho không xác định diện tích. Ông N chỉ ở trên đất này từ năm 1984-1986 thì ông N về gia đình vợ ở thôn Thượng, xã P ở; khoảng tháng 12/1989, ông N không có nhu cầu sử dụng phần đất ao nên đã bán cho cho ông trị giá bằng 1 tạ thóc (trả bằng 1 tạ thóc) mua bán xong ông sử dụng ổn định từ đó.

Năm 2001, nhà nước tiến hành đo đất để làm thủ tục cấp GCNQSD đất, ông đã kê khai diện tích đất ao đã mua của ba hộ trên và đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất với diện tích 305,3m^2 đất ao. Thửa đất gia đình ông sử dụng hiện nay đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất ngày 30/9/2001 với diện tích 1.025,3m^2, trong đó có 360m^2 đất ở, 360m^2 đất vườn và 305,3m^2 đất ao.

Năm 2005, ông N có về gặp ông đề nghị ông nhượng lại phần ao đã bán cho ông năm 1989 mục đích ông N muốn về quê ở, do là anh em trong nhà nên vợ chồng ông đã đồng ý nhượng lại cho ông N với trị giá bằng 1 tạ thóc trị giá quy đổi khi đó là 300.000 đồng, ông N đã trả cho vợ chồng ông tiền mặt là 300.000 đồng, khi nhượng lại ông và ông N có viết giấy tờ, có xác định mốc giới cụ thể như trong biên bản thỏa thuận ngày 03/12/2005, khi lập biên bản thỏa thuận có sự chứng kiến của chính quyền thôn là ông Nguyễn Xuân Hà trưởng thôn, ông Nguyễn Xuân Khải - Phó thôn. Kể từ khi nhượng lại đất cho ông N gia đình ông không tác động gì vào diện tích đất này; khoảng đầu tháng 8/2013, ông N muốn nhượng lại phần đất ao 115m^2 cho vợ chồng ông với giá 100.000.000 đồng. Ngày 15/8/2013, vợ chồng ông xuống trả tiền và làm giấy tờ mua bán thì có cả gia đình ông N gồm: ông N cùng vợ là Phạm Thị S, con trai Trần Viết Trung, bà Phạm Thị Mùi (chị gái của bà S), bà Trần Thị Xem (chị gái

của ông N); Giấy tờ mua bán do bà S tự tay viết, có xác nhận của cả gia đình ông N. Sau khi mua bán ông có đến UBND xã G xin xác nhận việc mua bán trên thì đại diện UBND xã G cho biết diện tích đất mà vợ chồng ông mua lại của ông N đã được cấp GCNQSD đất cho gia đình ông nên không xác nhận. Ông không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện là đề nghị hủy toàn bộ GCNQSD đất đã được UBND huyện Y cấp cho gia đình ông.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà A đã có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông N, bà S, anh Trung trong "Giấy chuyển nhượng đất ở ngày 15/8/2013 âm lịch". Kết luận giám định số 158/KL-PC54 ngày 29/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B đã kết luận chữ viết, chữ ký là của ông Trần Bá N, anh Trần Việt K, chữ của bà Phạm Thị S thì chưa có đủ mẫu để giám định nên không có kết quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh Trần Bá Đ, Trần Bá U, chị Hà Thị D trình bày: Nhất trí với quan điểm của ông T, bà A; không chấp nhận việc khởi kiện của ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị S, anh Trần Việt K trình bày: Nhất trí ý kiến của ông N, bà S và anh Trung không nhận số tiền 100.000.000 đồng mua bán thửa đất tranh chấp như Giấy chuyển nhượng đất ở ngày 15/8/2013 âm lịch mà gia đình ông T cung cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Bá R (con của ông T) hiện đang ở nước ngoài, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, gửi các văn bản tố tụng cho anh R. Anh R đã được biết Tòa án thụ lý vụ án qua người thân nhưng không có quan điểm trình bày về việc khởi kiện của ông N gửi cho Tòa án; cũng không cung cấp địa chỉ cho Tòa án được biết để liên hệ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã G do ông Nguyễn Văn E đại diện theo ủy quyền trình bày: Sau khi kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất đối với hộ gia đình ông T được lưu trữ tại UBND xã thì thấy trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất đối với hộ ông T đảm bảo theo Luật đất đai năm 1993, luật sửa đổi bổ sung luật đất đai năm 1993.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 28/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Áp dụng Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010; Điều 32; Điều 157; Điều 158; Điều 191; Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 12; Điều 19; Điều 22; Điều 30; Điều 36; Điều 73 Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung năm 1998); Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 197 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 34 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá N do ông Trần Bá J đại diện tham gia tố tụng về việc: Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 115m^2 diện tích đất ao trong tổng số diện tích 305,3m^2 đất ao đã cấp cho hộ ông Trần Bá T; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1653 ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y cấp cho hộ ông Trần Bá T đối với 115m^2 đất ao trong tổng số diện tích 305,3m^2 đất ao đã cấp cho hộ ông Trần Bá T ở thôn V, xã G, huyện Y, tỉnh B.

Đình chỉ giải quyết nội dung ông Trần Bá N yêu cầu khôi phục quyền lợi ích hợp pháp do ảnh hưởng của Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y, tỉnh B.

Kiến nghị UBND huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y xem xét, xử lý trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan có vi phạm trong việc ban hành Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/7/2019, ông Trần Bá N có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm trên.

Ngày 26/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị số 29/KNPT-VC1-HC đối với bản án sơ thẩm trên với nội dung: Kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm theo hướng: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Bá N: Hủy một phần Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Bá T; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1653 ngày 30/9/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho hộ ông Trần Bá T đối với 115m^2 đất ao của ông N trong tổng số diện tích 305,3m^2 đất ao cấp cho hộ ông Trần Bá T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Bá J và người bảo vệ quyền và lợi ích của ông Trần Bá N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án bản hành chính sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bá N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá T, bà Nguyễn Thị A đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính sửa Bản án sơ thẩm 19/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Bá N: Hủy một phần Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Bá T; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1653 ngày 30/9/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho hộ ông Trần Bá T đối với 115m^2 đất ao của ông N trong tổng số diện tích 305,3m^2 đất ao cấp cho hộ ông Trần Bá T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 12/5/2015, ông Trần Bá N có đơn khởi kiện đề nghị hủy một phần GCNQSD đất cấp cho hộ ông Trần Bá T theo Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y (do ngày 11/11/2014 ông Trần Bá N mới biết ông T được cấp GCNQSD đất), đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của ông Trần Bá N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tại Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cấp mới GCNQSD đất ở cho hộ gia đình xã G huyện Y, tỉnh B; có tổng số 2011 hộ được cấp mới GCNQSD đất, trong đó có hộ ông T. Tại GCNQSD đất số C1653 QSDĐ/770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 hộ ông T được cấp 1.025,3m^2 đất trong đó có diện tích 305,3m^2 đất ao thuộc thửa số 525 tờ bản đồ 11. Theo ông N, năm 1983 bố mẹ ông N có chia cho ông N phần đất ao diện tích 115m² tại thôn V, xã G, huyện Y với mục đích để có chỗ ở. Phần đất này có hình thể: phía Bắc giáp đường ngõ, phía Nam giáp đất ông T, phía Tây giáp đất ông J, phía Đông giáp đất ông T. Sau khi được chia ông N sử dụng phần ao để trồng rau và dựng một gian nhà cấp 4 để sinh sống tạm. Năm 1988, ông N sang xã P, huyện Y ở và bàn giao phần ao cho ông Trần Bá J (là em trai của ông N) sử dụng; do ông J không sử dụng nên ông Trần Bá T (là anh trai của ông N) mượn khoán để thả cá. Năm 2005, ông T tự ý đổ đất lấp ao mà không có sự đồng ý của ông N; do vậy, ông N đã mời mẹ là bà Nguyễn Thị O, ông J, ông T cùng đại diện chính quyền thôn đến làm việc. Tại buổi làm

việc ngày 03/12/2005, ông T đã đồng ý trả lại phần đất ao 115m² cho ông N. Từ ngày ký biên bản đến nay ông T vẫn tiếp tục chiếm dụng đất, không giao đất lại cho ông N; không có việc chuyển nhượng đất ao giữa gia đình ông cho gia đình ông T. Ông T thừa nhận nguồn gốc diện tích 115m^2 đất ao như lời khai của ông N; nhưng khoảng tháng 12/1989, ông N đã bán cho ông T trị giá bằng 1 tạ thóc (trả bằng 1 tạ thóc) mua bán xong ông T sử dụng ổn định từ đó. Năm 2001, gia đình ông T được cấp GCNQSD đất với diện tích 1.025,3m^2, trong đó có 360m^2 đất ở, 360m^2 đất vườn và 305,3m^2 đất ao. Năm 2005, ông N muốn về quê ở, do là anh em trong nhà nên vợ chồng ông đã đồng ý nhượng lại cho ông N với trị giá bằng 1 tạ thóc trị giá quy đổi khi đó là 300.000 đồng, ông N đã trả cho vợ chồng ông tiền mặt là 300.000 đồng. Khoảng đầu tháng 8/2013, ông N muốn nhượng lại phần đất ao 115m^2 cho vợ chồng ông T với giá 100.000.000 đồng. Ngày 15/8/2013, vợ chồng ông xuống trả tiền và làm giấy tờ mua bán thì có cả gia đình ông N gồm: ông N cùng vợ là Phạm Thị S, con trai Trần Viết F, bà Phạm Thị M (chị gái của bà S), bà Trần Thị X (chị gái của ông N); Giấy tờ mua bán do bà S tự tay viết, có xác nhận của cả gia đình ông N.

[3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình tranh chấp được xác định từ năm 2005, gia đình ông T có văn bản hòa giải đồng ý giao lại đất cho ông N nhưng thời điểm này hộ gia đình ông T đã được cấp GCNQSD đất. Sau khi giao lại đất ông N không thực hiện quyền của người sử dụng đất, không kê khai với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét công nhận quyền sử dụng đất, cũng không thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; diện tích đất ao 115m^2 vẫn do gia đình ông T quản lý, sử dụng. Ngày 15/8/2013 (âm lịch) gia đình ông N đã viết giấy chuyển nhượng diện tích 115m^2 đất ao nói trên cho gia đình ông T với giá tiền là 100.000.000 đồng. Việc ông N nhận 100.000.000 đồng của gia đình ông T đã được thể hiện tại Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B và được chính ông N thừa nhận tại phiên tòa ngày 27/6/2019. Mặc dù việc chuyển nhượng này không đảm bảo trình tự quy định của pháp luật nhưng đã thể hiện ý chí của các bên có tranh chấp liên quan đến thửa đất.

[4]. Xét thấy, quá trình ban hành Quyết định số 770/QĐ-CT ngày 30/9/2001 của UBND huyện Y còn có nhiều tồn tại, sai sót, vi phạm nhưng quyết định này được áp dụng trong phạm vi rộng cả xã G với 2011 hộ gia đình, cá nhân chứ không chỉ riêng hộ gia đình ông T. Gia đình ông T không có yêu cầu khởi kiện vụ án hành chính về việc cấp GCNQSD đất của UBND huyện Y. Trong trường hợp này quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Bá N ở thời điểm khởi kiện (ngày 12/5/2015) là không bị xâm phạm nên thấy không cần thiết phải hủy Quyết định số 770/QĐ-CT và GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Trần Bá T.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bá N, cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5]. Đối với giao dịch dân sự liên quan đến "Giấy chuyển nhượng đất ở ngày 15/8/2013 âm lịch" về việc chuyển nhượng diện tích đất đang có khiếu kiện, cũng như số tiền 100.000.000 đồng các bên giao nhận cho nhau nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Bá N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Trần Bá N, bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Án phí: Ông Trần Bá N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí ông Trần Bá N (do ông Trần Bá J nộp thay) nộp theo Biên lai số 0000365 ngày 12/7/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh B;*
- *TAND tỉnh B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSVA.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình